

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 30/6/2021.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đường Anh Sơn;  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Anh;  
Bà Hoàng Thị Hồng Quyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984; (có mặt)  
Địa chỉ: 13/1, ấp X, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1987; (vắng mặt)  
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 4/2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do là tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 4/2014 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/4/2012. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao cháu P cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Ông kết hôn với bà H vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Nay bà H khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/4/2012. Khi ly hôn, ông L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc riêng của gia đình nên ông không thể có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Ông L đề nghị được vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim H. Ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H, ông L cũng đồng ý ly hôn, nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông L; về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/4/2012 cho ông L nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung do các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Hoàng L, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 4, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông L có bản tự khai và đơn đề nghị (có chứng thực ngày 20/5/2021) vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn với ông Nguyễn Hoàng L và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 30/7/2011; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà H và ông L được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà H, ông L đã phát sinh sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã không còn sống chung từ tháng 4/2014 cho đến nay; bản thân ông L cũng thừa nhận vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được và nay ông đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, đồng thời ông L cũng đồng ý ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà H và ông L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/4/2012. Khi ly hôn, ông L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; hiện cháu P đang sống cùng ông L và có nguyện vọng ở với cha; bà H cũng đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cháu P cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do ông L không yêu cầu, nên tạm thời bà H không phải cấp dưỡng cho con; vì không trực tiếp nuôi con nên bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Hoàng L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/4/2012 cho ông Nguyễn Hoàng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời bà Nguyễn Thị Kim H không phải cấp dưỡng cho con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004959 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 38, ngày 30/7/2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đường Anh Sơn**